

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2021

V/v tranh chấp hủy kết hôn trái
pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thu Trang

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị H, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử và thay đổi hội thẩm nhân dân số 01/2021/TB-TA ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh ngày 21 tháng 10 năm 1980, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác: Nguyễn Xuân C) sinh ngày 03 tháng 6 năm 1974, nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông Nguyễn Thế T – Chủ tịch UBND xã Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác là Nguyễn Xuân C) vào ngày 31 tháng 7 năm 1996 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng. Thời điểm kết hôn với anh M, chị chưa đủ 16 tuổi và chưa đủ tuổi kết hôn nên khi đăng ký kết hôn với anh M chị đã khai tuổi của chị tăng lên để đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, cụ thể chị khai ngày sinh của chị là ngày 08 tháng 02 năm 1977. Khi kết hôn với anh M tại xã Đ chị có giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy nơi chị cư trú đến xã Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh M, lúc quen anh M thì anh M nói tên là Nguyễn Xuân C nhưng sau này khi kết hôn về ở cùng nhau thì chị mới biết tên Nguyễn Xuân C là tên thường gọi ở nhà của anh M còn tên trong giấy khai sinh là Nguyễn Xuân M, do vậy khi đăng ký kết hôn chị và anh M đều khai tên chồng là Nguyễn Xuân C. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, việc chị và anh M kết hôn khi chị chưa đủ tuổi kết hôn là trái pháp luật nên nay chị đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác Nguyễn Xuân C) tại giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 31 tháng 7 năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân M có hai con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 22 tháng 7 năm 1997 và Nguyễn Thị P sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012. Chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị P cho chị nuôi dưỡng, đối với con Nguyễn Thị H đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Nguyễn Xuân M trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống anh Nguyễn Xuân M khai như lời khai của chị Nguyễn Thị H. Nay chị xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, việc anh và chị H kết hôn khi chị H chưa đủ tuổi kết hôn là trái pháp luật nên nay chị H khởi kiện hủy kết hôn trái pháp luật, anh đồng ý và anh đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như lời khai của chị H và anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị P, đối với con chung Nguyễn Thị H đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ do người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thế Thuận có quan điểm:

Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số thứ tự 17 ngày 31 tháng 7 năm 1996 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì chị Nguyễn Thị H sinh ngày 08 tháng 02 năm 1977 và anh Nguyễn Xuân C sinh ngày 06 tháng 3 năm 1974 kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A) làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cho chị H và anh C thì chị H và anh C đều đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh C với lý do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi kết hôn, khi đăng ký kết hôn chị H khai tăng tuổi của mình lên để đủ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 28, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác Nguyễn Xuân C); về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị P sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, đối với con chung Nguyễn Thị H sinh ngày 22 tháng 7 năm 1997 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình; về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Xuân M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp và do Tòa án thu thập, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về huỷ kết hôn trái pháp luật” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét đơn khởi kiện về việc yêu cầu huỷ kết hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác Nguyễn Xuân C) kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã Đặng Cường thì tại số thứ tự 17 ngày 31 tháng 7 năm 1996 thể hiện họ tên chồng Nguyễn Xuân C sinh ngày 06 tháng 3 năm 1974 và họ tên vợ Nguyễn Thị H sinh ngày 08 tháng 02 năm 1977. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị H cung cấp như: Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định chị Nguyễn Thị H sinh ngày 21 tháng 10 năm 1980. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 31/7/1996) với anh Nguyễn Xuân M thì chị H được 15 tuổi 09 tháng 10 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Anh Nguyễn Xuân C tên trong giấy khai sinh là Nguyễn Xuân M, tên gọi Nguyễn Xuân C là tên thường gọi hàng ngày của anh M. Quá trình chung sống giữa chị H và anh M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị H và anh M đều có quan điểm đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M và hủy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 31 tháng 7 năm 1996 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng là phù hợp với theo quy định theo quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M có hai con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 22 tháng 7 năm 1997 và Nguyễn Thị P sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012. Chị H và anh M đều có quan điểm giao con chung Nguyễn Thị P cho chị H nuôi dưỡng. Xét quan điểm của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận và giao con chung Nguyễn Thị P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh M đến khi con chung Nguyễn Thị P đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Thị H đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng: Căn cứ đề nghị của công dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã nơi chị H cư trú nên Ủy ban nhân dân xã Đ đã chứng nhận kết hôn cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M (tên gọi khác là Nguyễn Xuân C). Việc chị H khi kết hôn chưa đủ tuổi, vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là do lỗi của chị H khai không đúng tuổi của mình, việc chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đ là đúng thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 và Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 12, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân M (tên thường gọi là Nguyễn Xuân C); huỷ đăng ký kết hôn số 17 ngày 31 tháng 7 năm 1996 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị P sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với con chung Nguyễn Thị H sinh ngày 22 tháng 7 năm 1997 đã đủ 18 tuổi nên tự quyết định cuộc sống của mình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012787 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cùc Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã Đ, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên